



BAN CHẤP HÀNH TRUNG ƯƠNG

ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM

Hà Nội, ngày 03 tháng 11 năm 2022

THỊ ỦY ĐỨC PHỒ		Số 26-NQ/TW
VĂN PHÒNG		
ĐẾN	Số: 1209	
	Ngày: 12/11/22	
	Chuyển: H. Phan	
	Lưu hồ sơ số:	
TỈNH ỦY QUẢNG NGÃI		
VĂN PHÒNG		
ĐẾN	Số: 937	
	Ngày: 10/11/2022	
	Chuyển:	
	Lưu hồ sơ:	

**NGHỊ QUYẾT
CỦA BỘ CHÍNH TRỊ**

**về phát triển kinh tế - xã hội và bảo đảm quốc phòng, an ninh
vùng Bắc Trung Bộ và duyên hải Trung Bộ đến năm 2030,
tầm nhìn đến năm 2045**

I- TÌNH HÌNH

Thực hiện Nghị quyết số 39-NQ/TW của Bộ Chính trị khoá IX và Kết luận số 25-KL/TW của Bộ Chính trị khoá XI về phát triển kinh tế - xã hội và bảo đảm quốc phòng, an ninh vùng Bắc Trung Bộ và duyên hải Trung Bộ, những năm qua, các cấp, các ngành, nhất là các địa phương trong vùng đã nhận thức ngày càng rõ hơn về vai trò, vị trí, tầm quan trọng của vùng; sức mạnh tổng hợp của hệ thống chính trị được huy động; nhiều điểm nghẽn đối với phát triển được khơi thông, tiềm năng, lợi thế của vùng và từng địa phương trong vùng từng bước được phát huy; đạt được nhiều kết quả quan trọng, khá toàn diện trên hầu hết các lĩnh vực. Kinh tế tăng trưởng bình quân 7,3%/năm giai đoạn 2005 - 2020, cao hơn mức trung bình cả nước. Quy mô kinh tế của vùng năm 2020 (theo giá hiện hành) tăng gấp 9,1 lần so với năm 2004, chiếm 14,5% GDP cả nước; GRDP bình quân đầu người đạt mức 56,9 triệu đồng/người/năm. Cơ cấu kinh tế chuyển dịch theo hướng dịch vụ và công nghiệp là chủ đạo; một số ngành kinh tế cơ bản, nhất là các ngành kinh tế biển, các ngành có giá trị gia tăng cao được hình thành và phát triển; du lịch dần trở thành ngành kinh tế mũi nhọn. Thu ngân sách tăng khá, một số địa phương đã cân đối được ngân sách và có điều tiết về Trung ương. Công tác quy hoạch, quản lý quy hoạch đạt được nhiều kết quả tích cực. Kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội, nhất là hạ tầng giao thông và đô thị được cải thiện. Công tác quản lý, khai thác, sử dụng tài nguyên được chú trọng; bảo vệ môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu được tăng cường. Hợp tác giữa các địa phương trong vùng, của vùng với các địa phương khác và với các tỉnh của nước bạn Lào có chung đường biên giới với Việt Nam đạt được một số kết quả ban đầu. Văn hoá, xã hội có bước phát triển; chất lượng giáo dục - đào tạo và các chỉ tiêu y tế cơ bản được cải thiện. An sinh xã hội được bảo đảm, tỉ lệ hộ nghèo giảm khá nhanh. Đời sống vật chất và tinh thần

của nhân dân, nhất là của đồng bào các dân tộc thiểu số, đồng bào ở vùng sâu, vùng xa, vùng khó khăn được nâng lên rõ rệt. Công tác dân tộc và tôn giáo được quan tâm, đạt kết quả quan trọng. Trật tự, an toàn xã hội được bảo đảm; quốc phòng, an ninh được giữ vững, nhất là an ninh chính trị, an ninh biên giới, bảo vệ vững chắc vùng đất, vùng trời, vùng biển của Tổ quốc. Công tác xây dựng, chỉnh đốn Đảng và hệ thống chính trị được đẩy mạnh; hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước được nâng cao. Những kết quả đạt được trong thời gian qua khẳng định Nghị quyết số 39-NQ/TW đã thực sự đi vào cuộc sống, phát huy hiệu quả tích cực.

Tuy nhiên, Bắc Trung Bộ và duyên hải Trung Bộ vẫn là vùng có chỉ số phát triển ở nhiều lĩnh vực thấp hơn mức trung bình cả nước. Tiềm năng, lợi thế của vùng, nhất là kinh tế biển chưa được khai thác hợp lý và phát huy hiệu quả. Quy mô kinh tế vùng còn nhỏ, GRDP bình quân đầu người thấp. Tăng trưởng kinh tế chưa thực sự bền vững, chất lượng và năng lực cạnh tranh chưa cao. Cơ cấu kinh tế chuyển dịch còn chậm, chưa có đột phá. Hiệu quả hoạt động các khu công nghiệp, khu kinh tế cửa khẩu, cụm công nghiệp chưa cao, tỉ lệ lấp đầy còn thấp. Các khu kinh tế ven biển, cảng biển phát triển chưa tương xứng với tiềm năng, lợi thế. Thiếu dự án đầu tư quy mô lớn, có tính động lực. Quy mô sản xuất nông nghiệp còn nhỏ lẻ, manh mún. Ngành dịch vụ phát triển chưa đa dạng, chất lượng chưa cao. Du lịch phát triển chưa bền vững, thiếu đa dạng, sức cạnh tranh quốc tế còn thấp. Cơ cấu thu ngân sách chưa bền vững. Doanh nghiệp chủ yếu có quy mô vừa và nhỏ, tỉ suất lợi nhuận thấp. Hệ thống kết cấu hạ tầng chưa hoàn chỉnh và đồng bộ, tính kết nối chưa cao, tỉ lệ đường cao tốc thấp. Liên kết phát triển vùng còn lỏng lẻo, lúng túng, bị động. Tốc độ đô thị hoá và chất lượng đô thị còn thấp. Các đô thị trung tâm vùng chưa phát huy được vai trò đầu tàu, động lực thúc đẩy phát triển vùng. Văn hoá - xã hội chưa đáp ứng yêu cầu phát triển mới. Một số chỉ tiêu về giáo dục và đào tạo chưa đạt mục tiêu đặt ra. Thị trường lao động chậm phát triển, thiếu linh hoạt, tỉ lệ thiếu việc làm còn cao; chất lượng lao động và việc làm còn thấp. Tỉ lệ hộ nghèo còn cao, nhất là ở vùng đồng bào dân tộc thiểu số, tỉ lệ giảm nghèo chưa đạt mục tiêu đặt ra. Nhiệm vụ bảo vệ an ninh quốc gia và trật tự, an toàn xã hội có lúc, có nơi còn bị động; công tác dân tộc, tôn giáo còn tiềm ẩn nhiều yếu tố phức tạp. Công tác xây dựng Đảng và hệ thống chính trị ở một số nơi chưa đáp ứng được yêu cầu.

Hạn chế và yếu kém trên chủ yếu là do: Nhận thức chưa đầy đủ về vai trò, vị trí và tầm quan trọng của vùng; tư duy về liên kết vùng chậm được đổi mới; hoạt động của Hội đồng điều phối vùng chưa hiệu quả; cơ chế điều phối, kết nối vùng còn nhiều bất cập; phân chia các tiểu vùng chưa thống nhất; thiếu hệ thống

các chỉ tiêu kinh tế - xã hội để quản lý, điều tiết vùng. Chưa có chính sách đủ mạnh để tạo đột phá cần thiết cho vùng và một số địa phương trọng điểm. Chất lượng quy hoạch còn thấp, thiếu liên kết, đồng bộ. Phân cấp, phân quyền cho các địa phương chưa triệt để, thiếu sự phối hợp và kiểm tra, giám sát. Nguồn lực đầu tư cho vùng chưa đáp ứng được yêu cầu, nhất là đầu tư xây dựng hạ tầng giao thông; cơ cấu đầu tư chưa hợp lý, còn dàn trải, hiệu quả sử dụng chưa cao. Phối hợp giữa các bộ, ngành Trung ương với các địa phương chưa chặt chẽ. Năng lực của đội ngũ cán bộ chưa đáp ứng yêu cầu phát triển, có mặt còn hạn chế, tính năng động chưa cao. Vùng bị tác động mạnh bởi thiên tai, nhất là biến đổi khí hậu.

II- QUAN ĐIỂM, MỤC TIÊU

1. Quan điểm

- Vùng Bắc Trung Bộ và duyên hải Trung Bộ có vai trò, vị trí chiến lược đặc biệt quan trọng về kinh tế, chính trị, văn hoá, xã hội, môi trường, quốc phòng, an ninh và đối ngoại, nhất là về kinh tế biển và quốc phòng, an ninh biển, đảo của Tổ quốc. Đổi mới tư duy phát triển, tạo đồng thuận, thống nhất cao trong nhận thức và hành động; phát triển nhanh, bền vững tương xứng với tiềm năng, lợi thế của vùng và các địa phương trong vùng; nâng cao trình độ và thu nhập của người dân trong vùng là nhiệm vụ quan trọng, có ý nghĩa chiến lược của các địa phương trong vùng và cả nước.

- Phát triển vùng Bắc Trung Bộ và duyên hải Trung Bộ phải phù hợp với các chiến lược phát triển quốc gia, nhất là Chiến lược phát triển bền vững kinh tế biển Việt Nam, tập trung phát triển các ngành kinh tế biển trở thành vùng mạnh về biển, giàu từ biển; đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng thích ứng với biến đổi khí hậu, nâng cao hiệu quả kết cấu hạ tầng hiện có, các khu kinh tế ven biển, khu công nghiệp, hệ thống đô thị ven biển, các hành lang kinh tế, các cực tăng trưởng, các trung tâm vùng và vùng động lực.

- Đẩy mạnh cơ cấu lại nền kinh tế gắn với đổi mới mô hình tăng trưởng, phát triển kinh tế biển xanh, kinh tế tuần hoàn phù hợp với điều kiện thực tế của vùng. Phát triển khoa học - công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số, phù hợp với điều kiện thực tế của vùng. Cải thiện mạnh mẽ môi trường đầu tư kinh doanh; thực hiện thí điểm các mô hình, cơ chế, chính sách đột phá nhằm thu hút và sử dụng có hiệu quả mọi nguồn lực cho phát triển vùng và các tiểu vùng. Bảo vệ môi trường, sử dụng hiệu quả và bền vững tài nguyên thiên nhiên, nhất là tài nguyên rừng và biển; chủ động phòng, chống thiên tai và thích ứng hiệu quả với biến đổi khí hậu.

- Bảo tồn và phát huy các giá trị lịch sử, truyền thống, văn hoá của vùng. Phát triển kinh tế đi đôi với bảo đảm tiến bộ và công bằng xã hội; giảm nghèo bền vững, nhất là đối với đồng bào dân tộc thiểu số, miền núi, vùng sâu, vùng xa, biên giới, bãi ngang, hải đảo. Đẩy mạnh liên kết nội vùng, giữa vùng với các vùng khác trong nước. Mở rộng quan hệ đối ngoại, nhất là với nước bạn Lào, các nước tiểu vùng sông Mê Công. Kết hợp chặt chẽ giữa phát triển kinh tế - xã hội với bảo đảm vững chắc quốc phòng, an ninh và chủ quyền biển, đảo; giữ vững ổn định chính trị, trật tự, an toàn xã hội.

- Chú trọng công tác xây dựng, chỉnh đốn Đảng và hệ thống chính trị trong sạch, vững mạnh. Nâng cao năng lực lãnh đạo, sức chiến đấu của cấp uỷ, tổ chức đảng các cấp, chất lượng đội ngũ cán bộ, đảng viên; hiệu lực, hiệu quả quản lý của các cấp chính quyền; xây dựng khối đại đoàn kết các dân tộc trong vùng, phát huy sức mạnh của cả hệ thống chính trị và toàn xã hội; khơi dậy khát vọng phát triển, ý chí tự lực, tự cường của nhân dân trong vùng.

2. Mục tiêu đến năm 2030

Bắc Trung Bộ và duyên hải Trung Bộ là vùng phát triển năng động, nhanh và bền vững, mạnh về kinh tế biển; có kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội đồng bộ, hiện đại, có khả năng chống chịu cao với thiên tai, dịch bệnh và thích ứng hiệu quả với biến đổi khí hậu; có một số trung tâm công nghiệp, dịch vụ, hợp tác quốc tế lớn của cả nước với các khu kinh tế ven biển và hệ thống đô thị ven biển đạt chuẩn quốc gia và khu vực; là cửa ngõ ra biển của vùng Tây Nguyên và nước bạn Lào; là nơi các giá trị văn hoá, lịch sử và hệ sinh thái biển, đảo, rừng được bảo tồn và phát huy; đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân không ngừng được nâng cao; quốc phòng, an ninh và chủ quyền biển, đảo được bảo đảm vững chắc; các tổ chức đảng, hệ thống chính trị vững mạnh; khối đại đoàn kết toàn dân được tăng cường.

3. Một số chỉ tiêu cụ thể đến năm 2030

- Giai đoạn 2021 - 2030, tốc độ tăng trưởng GRDP bình quân đạt khoảng 7 - 7,5%/năm. Đến năm 2030, GRDP vùng tăng từ 2,5 - 3 lần so với năm 2020 (giá hiện hành), trong đó nông, lâm nghiệp và thủy sản chiếm khoảng 11,5%, công nghiệp - xây dựng chiếm khoảng 40,7%, dịch vụ chiếm khoảng 37,5%; thuế sản phẩm trừ trợ cấp chiếm khoảng 10,3%. Tỷ trọng công nghiệp chế biến, chế tạo trong GRDP đạt khoảng 30%; kinh tế số trong GRDP vùng đạt khoảng 30%. GRDP bình quân đầu người đạt khoảng 156 triệu đồng/người/năm (giá hiện hành). Thu ngân sách nhà nước chiếm khoảng 20 - 25% cả nước; tốc độ tăng thu nội địa cao hơn 2 - 3 điểm% so với bình quân của cả nước. Phân đấu tỉ lệ

đô thị hoá đạt khoảng 47 - 48%. Tỷ lệ xã đạt chuẩn nông thôn mới trên 90%; tỉ lệ xã đạt chuẩn nông thôn mới kiểu mẫu khoảng 30%.

- Chỉ số phát triển con người (HDI) cao hơn trung bình cả nước. Thu nhập bình quân đầu người gấp 1,2 lần trở lên so với trung bình cả nước. Tỷ lệ lao động qua đào tạo đạt khoảng 75%, trong đó có bằng cấp chứng chỉ đạt khoảng 35 - 40%. Tỷ lệ hộ nghèo giảm 1 - 1,5%/năm, trong đó tỉ lệ trong đồng bào dân tộc thiểu số giảm trên 3%/năm. Đạt 32 giường bệnh viện/vạn dân; 11 bác sĩ/vạn dân. Tỷ lệ tham gia bảo hiểm y tế đạt trên 95% dân số.

- Tỷ lệ che phủ rừng ổn định ở mức 54%. 100% hộ gia đình ở thành thị và 80% hộ gia đình ở nông thôn được sử dụng nước sạch theo quy chuẩn. Tỷ lệ thu gom và xử lý rác thải rắn sinh hoạt đô thị bảo đảm tiêu chuẩn, quy chuẩn đạt khoảng 90%. 100% khu công nghiệp, cụm công nghiệp, khu chế xuất đang hoạt động có hệ thống xử lý nước thải tập trung; 100% cơ sở gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng được xử lý triệt để.

4. Tầm nhìn đến năm 2045

Bắc Trung Bộ và duyên hải Trung Bộ là vùng phát triển nhanh, bền vững, mạnh về kinh tế biển; có một số trung tâm công nghiệp, dịch vụ, hợp tác quốc tế lớn ngang tầm khu vực Châu Á với các khu kinh tế ven biển hiện đại, hệ thống đô thị ven biển thông minh, bền vững, có bản sắc riêng, thân thiện với môi trường, có khả năng chống chịu cao với thiên tai, dịch bệnh và thích ứng hiệu quả với biến đổi khí hậu; là nơi các giá trị văn hoá, lịch sử, hệ sinh thái biển, đảo, rừng được bảo tồn và phát huy; đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân đạt mức cao; quốc phòng, an ninh và chủ quyền biển, đảo được bảo đảm vững chắc; các tổ chức đảng, hệ thống chính trị vững mạnh; khối đại đoàn kết toàn dân được tăng cường.

III- NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP CHỦ YẾU

1. Tập trung hoàn thiện thể chế, chính sách và đẩy mạnh phát triển liên kết vùng

- Thống nhất cao ở tất cả các cấp, các ngành về vai trò, vị trí, tầm quan trọng của vùng và liên kết phát triển vùng; coi liên kết phát triển vùng là xu thế tất yếu, là động lực kết nối và dẫn dắt sự phát triển các địa phương trong vùng.

- Xây dựng, tổ chức thực hiện Quy hoạch vùng và quy hoạch từng địa phương trong vùng giai đoạn 2021 - 2030, tầm nhìn 2050, tạo cơ sở pháp lý để các địa phương trong vùng liên kết, hợp tác; là công cụ điều phối, quản lý thống nhất vùng và các tiểu vùng; phân công rõ vai trò, chức năng, nhiệm vụ

trên cơ sở chuyên môn hoá cao phù hợp với lợi thế so sánh của các địa phương và các tiểu vùng. Quy hoạch vùng và quy hoạch các địa phương phải có tầm nhìn tổng thể, dài hạn cùng với các giải pháp đột phá, mở rộng không gian và nguồn lực cho phát triển; bảo đảm gắn kết giữa phát triển các khu kinh tế ven biển, khu công nghiệp với các khu du lịch và dịch vụ; giữa phát triển đô thị với xây dựng nông thôn mới; giữa phát triển kinh tế với bảo vệ tài nguyên, môi trường biển, thích ứng với biến đổi khí hậu, bảo tồn và phát huy các giá trị di sản văn hoá, lịch sử và hệ sinh thái biển, đảo, rừng; phát huy hiệu quả các hành lang kinh tế, nhất là hành lang kinh tế Đông - Tây; nâng cao hiệu quả hoạt động của các cảng biển, cảng hàng không, khu kinh tế cửa khẩu...

- Nghiên cứu tổ chức không gian phát triển vùng theo các tiểu vùng: Tiểu vùng Bắc Trung Bộ, tiểu vùng Trung Trung Bộ và tiểu vùng Nam Trung Bộ. Trong đó, tiểu vùng Trung Trung Bộ có vai trò động lực, có tác động lan toả, lôi kéo và thúc đẩy sự phát triển của toàn vùng. Phát triển bền vững khu vực phía Tây trên cơ sở phát huy cao nhất các tiềm năng, lợi thế, nhất là lợi thế về kinh tế cửa khẩu, rừng và lịch sử, văn hoá; tăng cường khả năng chống chịu thiên tai; tăng cường kết nối hữu cơ với các tiểu vùng khác trong vùng, với vùng Tây Nguyên, đồng bằng Sông Hồng và Đông Nam Bộ; liên kết các ngành, doanh nghiệp, các cơ sở nghiên cứu khoa học và trường đại học.

- Xây dựng thể chế liên kết vùng để điều phối và kết nối phát triển vùng nhằm nâng cao hiệu quả các hoạt động liên kết nội vùng, liên vùng; phù hợp với định hướng và đặc thù phát triển vùng; bảo đảm các quy định pháp lý, cơ chế, chính sách liên kết vùng được thực hiện đồng bộ, nhất quán, hiệu quả và có kỷ luật, kỷ cương.

- Cải thiện môi trường đầu tư, kinh doanh; xây dựng cơ chế, chính sách phù hợp để khuyến khích phát triển doanh nghiệp và thu hút nguồn lực nhằm khai thác hiệu quả tiềm năng, thế mạnh, nhất là các ngành kinh tế biển. Hình thành các cụm liên kết ngành ở phạm vi liên tỉnh, liên vùng gắn với các trung tâm kinh tế biển mạnh có tầm quốc gia, quốc tế theo hướng tăng cường phân cấp, nâng cao vai trò, phát huy tính chủ động, năng động, sáng tạo của các địa phương trong quản lý, phát triển kinh tế. Nghiên cứu sửa đổi, bổ sung cơ chế, chính sách, pháp luật về tài chính cho phép các địa phương huy động, phân bổ và chia sẻ nguồn lực để thực hiện các mục tiêu chung của vùng. Trong đó, có hệ thống hạ tầng kết nối nội vùng, liên vùng, các dự án có quy mô và sức lan toả trong vùng và liên vùng.

- rà soát, điều chỉnh cơ chế, chính sách và nguồn lực đầu tư để nâng cao hiệu quả hợp tác phát triển các quy hoạch liên tỉnh như Nam Thanh Hoá - Bắc

Nghệ An, Nam Nghệ An - Bắc Hà Tĩnh; Nam Hà Tĩnh - Bắc Quảng Bình; Nam Phú Yên - Bắc Khánh Hoà. Nghiên cứu quy hoạch phát triển các khu vực liên tỉnh như Bắc Quảng Nam - Nam thành phố Đà Nẵng; Bắc Phú Yên - Nam Bình Định. Tiếp tục đầu tư, phát triển các hành lang kinh tế như Lao Bảo - Đông Hà - Đà Nẵng; La Lay - Mỹ Thủy; Cầu Treo - Vũng Áng; Bờ Y - Pleiku - Quy Nhơn; Vân Phong - Buôn Ma Thuột; Phú Yên - Đắc Lắc.

- Tập trung đầu tư tăng cường hệ thống hạ tầng trọng yếu bảo đảm liên kết vùng và các tiểu vùng, nhất là trong các lĩnh vực giao thông, năng lượng, công nghệ thông tin, kinh tế số, đô thị, đào tạo nguồn nhân lực, du lịch và dịch vụ, logistics, môi trường và thích ứng với biến đổi khí hậu. Sớm xây dựng và phát triển hệ thống thông tin, dữ liệu, trao đổi thông tin kinh tế - xã hội giữa các địa phương trong vùng.

2. Đẩy mạnh chuyển dịch cơ cấu kinh tế vùng, thúc đẩy phát triển kinh tế biển

- Tập trung phát triển mạnh kinh tế biển kết hợp với bảo đảm quốc phòng, an ninh trên biển, nhất là các ngành như du lịch và dịch vụ biển; kinh tế hàng hải; khai thác dầu khí và các tài nguyên khoáng sản biển khác; nuôi trồng và khai thác hải sản; công nghiệp ven biển; năng lượng tái tạo, nhất là năng lượng gió ven bờ và năng lượng gió ngoài khơi; các ngành kinh tế biển mới...

- Tạo chuyển biến mạnh mẽ trong phát triển công nghiệp vùng theo hướng hiện đại với những sản phẩm có thể mạnh, có thương hiệu và tham gia hiệu quả vào chuỗi sản xuất của khu vực và toàn cầu. Cơ cấu lại ngành công nghiệp, ưu tiên, khuyến khích phát triển các ngành công nghiệp có tiềm năng, lợi thế. Mở rộng và xây dựng trung tâm lọc, hoá dầu và năng lượng quốc gia tại Khu kinh tế Dung Quất; hình thành một số trung tâm năng lượng tái tạo lớn, đặc biệt là điện gió và điện gió ngoài khơi; nghiên cứu và định hướng phát triển khai thác năng lượng hydrogen. Triển khai công tác thăm lường, thăm định, phê duyệt trữ lượng đối với mỏ Báo Vàng, Kèn Bàu; tích cực triển khai chuỗi dự án Cá Voi Xanh. Phân bố không gian công nghiệp theo các hành lang kinh tế ven biển gắn với các cảng biển, các tuyến hành lang kinh tế Đông - Tây, các đường quốc lộ kết nối Tây Nguyên với vùng. Tiếp tục nghiên cứu cơ chế, chính sách phù hợp nhằm thúc đẩy và nâng cao hiệu quả các khu kinh tế ven biển; rà soát, điều chỉnh, phân chia chức năng các khu kinh tế ven biển, khu công nghiệp, khu kinh tế cửa khẩu, cảng biển, cảng hàng không trong vùng để tăng cường liên kết, hạn chế cạnh tranh trong phân bố, thu hút các nguồn lực.

- Cơ cấu lại và đổi mới mô hình phát triển nông nghiệp vùng; tăng cường đầu tư cho ứng dụng khoa học - công nghệ và hạ tầng nông nghiệp, nông thôn.

Phát triển nông nghiệp vùng theo hướng sinh thái, đặc hữu có khả năng chống chịu cao với thời tiết cực đoan, thích ứng hiệu quả với biến đổi khí hậu; liên kết theo chuỗi giá trị và có giá trị gia tăng cao; gắn với phát triển kinh tế nông thôn, xây dựng nông thôn mới và phát triển du lịch... Cơ cấu lại nông, lâm nghiệp, khai thác, nuôi trồng thủy, hải sản gắn với công nghiệp chế biến, bảo đảm bền vững và hiệu quả cao. Phát triển các trung tâm dịch vụ hậu cần nghề cá kết hợp với quốc phòng, an ninh. Phát triển kinh tế rừng và kinh tế dưới tán rừng. Đẩy mạnh phát triển kinh tế tập thể, hợp tác xã; xây dựng nông thôn mới phát triển toàn diện, gắn với đô thị hoá.

- Cơ cấu lại các ngành dịch vụ dựa trên nền tảng công nghệ hiện đại, công nghệ số, phát triển các loại hình dịch vụ mới. Phát triển vùng trở thành khu vực trọng điểm du lịch của cả nước với các trung tâm du lịch biển, du lịch sinh thái mang tầm khu vực và quốc tế. Phát triển các trung tâm logistics gắn với các cảng biển, cảng hàng không và cửa khẩu.

3. Tập trung phát triển mạnh hệ thống đô thị, nhất là hệ thống đô thị ven biển; đẩy mạnh đầu tư kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội vùng, nhất là hạ tầng giao thông

- Phát triển hệ thống đô thị vùng có kết cấu hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội đồng bộ, hiện đại theo mô hình, tiêu chí tăng trưởng xanh, đô thị thông minh, sinh thái, thích ứng có hiệu quả với biến đổi khí hậu; kết nối trong nước và quốc tế, coi đây là một trong những khâu đột phá cho phát triển vùng. Phát triển mạng lưới đô thị gắn với phát triển các khu kinh tế, khu công nghiệp, khu công nghệ cao, cụm công nghiệp, khu kinh tế cửa khẩu, các trung tâm thương mại, dịch vụ theo hướng đa trung tâm tạo mạng lưới liên kết chặt chẽ giữa các địa phương trong vùng; hình thành ba tiểu vùng đô thị hoá tại Bắc Trung Bộ, Trung Trung Bộ và Nam Trung Bộ. Phát triển các đô thị trung tâm, đô thị hạt nhân cấp vùng và tiểu vùng như xây dựng và phát triển tỉnh Thừa Thiên Huế và tỉnh Khánh Hoà trở thành thành phố trực thuộc Trung ương. Xây dựng Đà Nẵng trở thành trung tâm tài chính quốc tế cấp vùng. Phát triển huyện đảo Lý Sơn, tỉnh Quảng Ngãi trở thành trung tâm du lịch biển - đảo.

- Xây dựng hệ thống kết cấu hạ tầng giao thông vùng đồng bộ, hiện đại, kết nối thuận lợi nội vùng và liên vùng. Kết nối đồng bộ hệ thống giao thông với các khu kinh tế ven biển, khu công nghiệp, khu công nghệ cao Đà Nẵng và các cảng hàng không, cảng biển. Tập trung đầu tư phát triển hệ thống đường bộ cao tốc, đặc biệt là các đoạn tuyến cao tốc Bắc - Nam phía Đông để kết nối toàn bộ các địa phương trong vùng. Xây dựng đường cao tốc Khánh Hoà - Buôn Ma Thuột; kêu gọi và thúc đẩy đầu tư tuyến đường cao tốc Hà Nội - Yên Bái.

(đoạn qua Nghệ An), đường cao tốc Cam Lộ - Lao Bảo; đường cao tốc Đà Nẵng - Thạch Mỹ - Ngọc Hồi - Bờ Y. Đến năm 2030, toàn vùng có khoảng 1.554 km đường bộ cao tốc. Hoàn thành tuyến đường bộ ven biển tại các địa phương trong vùng. Nghiên cứu đầu tư, nâng cấp các tuyến đường cao tốc trực ngang kết nối cửa khẩu quốc tế với các cảng biển. Nâng cấp, cải tạo và nâng cao hiệu quả khai thác 9 cảng hàng không hiện có trong vùng. Đầu tư xây dựng mới cảng hàng không Phan Thiết, cảng hàng không Quảng Trị. Tập trung nguồn lực phát triển các cảng biển có tiềm năng thành cảng biển đặc biệt, nhất là các cảng biển ở Thanh Hoá, Nghệ An, Đà Nẵng và Khánh Hoà. Nâng cấp, từng bước hiện đại hoá tuyến đường sắt Bắc - Nam qua vùng. Nghiên cứu kêu gọi đầu tư các tuyến đường sắt kết nối vùng với khu vực Tây Nguyên và các cửa khẩu quốc tế trong khu vực.

- Hoàn thiện quy hoạch và đầu tư phát triển hạ tầng giáo dục, đào tạo. Nâng cấp, hiện đại hoá các bệnh viện tuyến tỉnh, bệnh viện đa khoa cấp thành phố và quận, huyện. Đầu tư một số trung tâm khởi nghiệp, đổi mới sáng tạo, trung tâm khoa học - công nghệ, đào tạo, chăm sóc sức khoẻ... theo quy hoạch. Đẩy mạnh phát triển hạ tầng số, đầu tư, nâng cấp đồng bộ các thiết chế văn hoá, nhất là một số công trình văn hoá tiêu biểu của vùng.

4. Tăng cường quản lý và sử dụng hiệu quả tài nguyên, nhất là tài nguyên biển, đảo và rừng; bảo vệ môi trường, nhất là môi trường biển; nâng cao khả năng ứng phó với thiên tai và thích ứng với biến đổi khí hậu

Đây là nhiệm vụ quan trọng, quyết định sự phát triển bền vững của vùng. Kiểm soát an toàn, xử lý dứt điểm ô nhiễm môi trường do hậu quả chiến tranh; hoàn thành việc xử lý khu vực bị nhiễm chất độc dioxin. Tăng cường quản lý tổng hợp tài nguyên và bảo vệ môi trường biển và hải đảo, giảm thiểu rác thải nhựa đại dương; thiết lập hành lang bảo vệ bờ biển, quản lý tổng hợp tài nguyên vùng bờ và hải đảo.

Quản lý và phát triển bền vững tài nguyên rừng. Đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng phòng, chống thiên tai; phát triển mạng lưới quan trắc môi trường tự động. Tăng cường dự báo, đánh giá tác động để triển khai thực hiện có hiệu quả các giải pháp phòng, chống thiên tai và đầu tư phát triển hạ tầng ứng phó với biến đổi khí hậu, nước biển dâng.

5. Phát triển toàn diện văn hoá - xã hội vùng

- Tạo chuyển biến về chất lượng trong giáo dục và đào tạo; đổi mới giáo dục nghề nghiệp gắn với thế mạnh và định hướng phát triển vùng, coi đây là một trong những khâu đột phá cho phát triển vùng. Đầu tư xây dựng cơ sở vật

chất và nâng cao chất lượng hoạt động một số trường đại học lớn ở Vinh, Thừa Thiên Huế, Đà Nẵng, Nha Trang trở thành những trung tâm đào tạo uy tín trong khu vực và thế giới, trong đó Đại học Đà Nẵng và Đại học Huế trở thành Đại học Quốc gia. Rà soát, sắp xếp lại mạng lưới giáo dục nghề nghiệp. Tăng cường hoạt động nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ và đổi mới sáng tạo.

- Thực hiện đồng bộ 3 chương trình mục tiêu quốc gia: Giảm nghèo bền vững; xây dựng nông thôn mới; phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi. Tập trung nguồn lực phát triển sản xuất, xoá đói, giảm nghèo nhanh và bền vững tại vùng đồng bào dân tộc thiểu số, vùng sâu, vùng xa, vùng đặc biệt khó khăn. Thực hiện hiệu quả các chính sách ưu đãi người có công và trợ giúp xã hội. Hoàn thiện mạng lưới y tế, nâng cao chất lượng dịch vụ khám, chữa bệnh các tuyến, đặc biệt tuyến cơ sở. Phát triển thành phố Đà Nẵng, thành phố Vinh và thành phố Huế thành hạt nhân của trung tâm y tế chuyên sâu; Bệnh viện Trung ương Huế, Bệnh viện Trường Đại học Y Dược Huế đạt chuẩn các bệnh viện tiên tiến khu vực Đông Nam Á, tiến tới đạt chuẩn quốc tế.

- Bảo tồn và phát huy giá trị các di sản lịch sử, văn hoá vật thể và phi vật thể, danh lam thắng cảnh và di sản thiên nhiên, nhất là các di sản văn hoá được UNESCO vinh danh. Đầu tư và nâng cấp mạng lưới thiết chế văn hoá và thể dục, thể thao. Phát triển thành phố Đà Nẵng và thành phố Huế trở thành trung tâm văn hoá, nghệ thuật, nghiên cứu khoa học và đào tạo nhân lực văn hoá, nghệ thuật của vùng; thành phố Vinh trở thành trung tâm văn hoá phía Bắc của vùng; thành phố Quy Nhơn trở thành trung tâm văn hoá phía Nam của vùng.

6. Bảo đảm vững chắc quốc phòng, an ninh, nâng cao hiệu quả công tác đối ngoại

- Xây dựng lực lượng vũ trang cách mạng chính quy, tinh nhuệ theo hướng hiện đại, ưu tiên hiện đại hoá một số quân chủng, binh chủng, lực lượng thực thi pháp luật trên biển; không ngừng củng cố, tăng cường thế trận quốc phòng toàn dân gắn với thế trận an ninh nhân dân khu vực biển, đảo; bảo đảm năng lực xử lý tốt các tình huống trên biển. Tiếp tục xây dựng các hải đoàn mạnh để vừa làm kinh tế, hỗ trợ ngư dân, vừa bảo đảm quốc phòng, an ninh trên biển, đảo. Xây dựng huyện đảo Trường Sa thành khu vực phòng thủ vững chắc, chú trọng nâng cao năng lực phòng thủ đảo Phú Quý, đảo Côn Cỏ. Thực hiện tốt công tác quản lý biên giới theo các văn kiện đã được ký kết với nước bạn Lào.

- Nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước về an ninh và trật tự, an toàn xã hội; chủ động phát hiện và xử lý kịp thời, không để xảy ra bị động,

bất ngờ, hình thành "điểm nóng", phức tạp về an ninh, trật tự. Đẩy mạnh kiểm tra, giám sát việc thực hiện các chủ trương, đường lối về kết hợp giữa quốc phòng, an ninh với phát triển kinh tế, văn hoá, xã hội, đối ngoại. Đẩy mạnh công tác vận động quần chúng trong giải quyết các vấn đề phức tạp nảy sinh; phát huy vai trò người có uy tín trong đồng bào dân tộc thiểu số, tôn giáo, ngăn chặn kịp thời hành vi lợi dụng dân tộc, tôn giáo xâm phạm an ninh quốc gia, trật tự, an toàn xã hội. Đấu tranh ngăn chặn, xử lý nghiêm các hoạt động truyền đạo trái phép, các hoạt động tôn giáo vi phạm pháp luật, lợi dụng tôn giáo để chống phá chính quyền, gây mất ổn định an ninh chính trị, trật tự, an toàn xã hội, gây chia rẽ khối đại đoàn kết dân tộc.

- Đẩy mạnh hợp tác kinh tế, vận động và thu hút các nguồn vốn đầu tư, viện trợ phát triển chính thức, nhất là vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài, các nguồn đầu tư từ khu vực tư nhân và các đối tác phát triển của hợp tác tiểu vùng sông Mê Công cho phát triển vùng, nhất là phát triển kinh tế biển và ứng phó với biến đổi khí hậu, các hiện tượng thời tiết cực đoan.

- Chủ động khai thác hiệu quả các hiệp định thương mại tự do thế hệ mới và các khung khổ hội nhập để cơ cấu lại các ngành kinh tế gắn với đổi mới mô hình tăng trưởng của vùng theo hướng xanh, bền vững. Tăng cường hợp tác phát triển kinh tế - xã hội với các nước trên thế giới, nhất là các nước tiểu vùng sông Mê Công, ASEAN; chủ động triển khai các hoạt động giao lưu nhân dân với các nước bạn. Đẩy mạnh hợp tác kinh tế qua các cửa khẩu trong vùng gắn với hành lang kinh tế Đông - Tây. Nghiên cứu thí điểm mô hình khu kinh tế cửa khẩu qua biên giới trên hành lang kinh tế Đông - Tây.

7. Tăng cường xây dựng, chỉnh đốn Đảng và hệ thống chính trị; nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý của các cấp chính quyền; củng cố khối đại đoàn kết toàn dân trong vùng

- Thực hiện có hiệu quả các nghị quyết, chỉ thị, quy định của Trung ương về xây dựng Đảng và hệ thống chính trị. Tiếp tục đẩy mạnh việc học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh; thực hiện tốt trách nhiệm nêu gương của cán bộ, đảng viên, nhất là người đứng đầu. Tiếp tục củng cố, nâng cao chất lượng tổ chức cơ sở đảng, chất lượng đội ngũ cán bộ ở các cấp. Triển khai thực hiện hiệu quả các nghị quyết, chỉ thị của Đảng về công tác dân vận; quy chế dân chủ ở cơ sở, chăm lo xây dựng, củng cố khối đại đoàn kết toàn dân.

- Nâng cao hiệu lực, hiệu quả hoạt động của các cấp chính quyền; chất lượng, hoạt động của hội đồng nhân dân các cấp. Đẩy mạnh phân cấp, phân quyền,

ủy quyền. Đổi mới nội dung, phương thức và nâng cao chất lượng hoạt động của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội theo hướng thiết thực, hướng mạnh về cơ sở, đi sâu vào từng đối tượng, đa dạng các hình thức tập hợp nhân dân. Đẩy mạnh các phong trào thi đua yêu nước, các cuộc vận động trong cán bộ, đảng viên, đoàn viên, hội viên và các tầng lớp nhân dân.

IV- TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Các cấp ủy, tổ chức đảng, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các tổ chức chính trị - xã hội và nhân dân cả nước, nhất là các địa phương trong vùng Bắc Trung Bộ và duyên hải Trung Bộ nghiên cứu, tuyên truyền, phổ biến, quán triệt và tổ chức triển khai thực hiện có hiệu quả Nghị quyết. Phát huy cao độ vai trò lãnh đạo của cấp ủy, tổ chức đảng, sự vào cuộc quyết liệt của cả hệ thống chính trị, sự đồng thuận của xã hội, sự tham gia tích cực của toàn dân và cộng đồng doanh nghiệp trong quá trình thực hiện Nghị quyết.

2. Ban cán sự đảng Chính phủ chỉ đạo: Ban hành Chương trình hành động thực hiện Nghị quyết và xây dựng Quy hoạch vùng, địa phương; hoàn thiện thể chế, cơ chế tổ chức điều phối, liên kết phát triển vùng; điều chỉnh, bổ sung cơ chế, chính sách đặc thù về phát triển vùng Bắc Trung Bộ và duyên hải Trung Bộ.

3. Các ban đảng, ban cán sự đảng, đảng đoàn, đảng ủy trực thuộc Trung ương theo trách nhiệm của mình thường xuyên quan tâm, chủ động phối hợp với các địa phương vùng Bắc Trung Bộ và duyên hải Trung Bộ để thực hiện Nghị quyết.

4. Ban Kinh tế Trung ương chủ trì, theo dõi, giám sát, kiểm tra, đôn đốc việc triển khai thực hiện Nghị quyết; định kỳ sơ kết, tổng kết, báo cáo Bộ Chính trị, Ban Bí thư.

T/M BỘ CHÍNH TRỊ
TỔNG BÍ THƯ
Đã ký: Nguyễn Phú Trọng

THỊ ỦY ĐỨC PHỐ

*

Số 194-BS/TU

Nơi nhận:

- TTHĐND, UBND thị xã,
- Các cơ quan TMGV Thị ủy,
- Mặt trận và các tổ chức CT-XH thị xã,
- Các chi, đảng ủy trực thuộc,
- Các đồng chí Thị ủy viên,
- Lưu VPTX.

Sao lục

Đức Phố, ngày 17 tháng 11 năm 2022

T/L BAN THƯỜNG VỤ
CHÁNH VĂN PHÒNG


Nguyễn Việt Thanh